

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 5 - 2023
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trà My.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Song Hoàn

2. Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lan Hương - Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 39/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 2 năm 2023 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: ông Hoàng Văn H, sinh năm: 1969

Địa chỉ: 72 CMT, P 2, thành phố VT, tỉnh BR - VT.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1975.

Hộ khẩu thường trú: 72 CMT, P 2, thành phố VT, tỉnh BR - VT. Địa chỉ hiện nay: Nhà tạm giữ CA thành phố VT, tỉnh BR - VT.

(ông H, bà H1 vắng mặt, có yêu cầu xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hoàng Văn H trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị H1 đăng ký kết hôn từ năm 1998 tại Ủy ban nhân dân Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 29-12-1998. Sau khi kết hôn, ông và bà H1 chung

sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bà H1 không tôn trọng ông, làm việc gì cũng không bàn bạc. Ông có khuyên bảo bà H1 nhưng bà không thay đổi, bà luôn nói dối ông trong mọi vấn đề, đặc biệt là bà gây ra nợ nần với nhiều người và làm cho tài sản tích lũy chung của gia đình cũng không còn. Vì vậy, ông không còn niềm tin với bà H1 cả về vấn đề kinh tế lẫn tình cảm. Ông xác định không còn tình cảm với bà H1, đề nghị Tòa án giải quyết cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị H1.

Về con chung, cấp dưỡng: Trong thời kỳ hôn nhân, ông và bà H1 có 02 con chung tên Hoàng Nguyễn Đức Huy, sinh năm 1999 và Hoàng Nguyễn Việt Hưng, sinh năm 2008. Cháu Huy đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Hoàng Nguyễn Việt Hưng, không yêu cầu bà H1 cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Bà thống nhất về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân như ông H trình bày. Bà thừa nhận cuộc sống hôn nhân của vợ chồng bà có nhiều mâu thuẫn. Trước yêu cầu khởi kiện của ông H, bà không đồng ý ly hôn vì bà muốn thỏa thuận vấn đề tài sản với ông H, bà cũng không đồng ý để ông H trực tiếp nuôi cháu Hưng, bà chỉ đồng ý việc ông H nuôi cháu Hưng trong thời gian bà đang bị tạm giam, sau khi bà chấp hành xong bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì bà yêu cầu được nuôi cháu Hưng. Bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung giữa bà và ông H. Do bà đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thành phố Vũng Tàu nên bà xin được vắng mặt tại các buổi làm việc, xét xử tại Tòa án.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, có yêu cầu xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; nguyên đơn, bị đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, kết quả xác minh của Tòa án, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Hoàng Văn H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị H1 nên đây là vụ án "tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, có yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông H, bà H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 29-12-1998 nên là hôn nhân hợp pháp.

Theo ông H trình bày: vợ chồng ông phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018, do bà H1 không tôn trọng ông, làm việc gì cũng không bàn bạc, luôn nói dối ông trong mọi vấn đề, gây ra nợ nần với nhiều người, làm cho tài sản tích lũy chung của gia đình không còn. Tuy ông đã khuyên bảo bà H1, nhưng bà không thay đổi, nên ông không còn niềm tin với bà H1 cả về vấn đề kinh tế lẫn tình cảm. Ông xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà H1 và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H1.

Bà H1 cũng thừa nhận cuộc sống hôn nhân của vợ chồng bà có nhiều mâu thuẫn, tuy nhiên bà không đồng ý ly hôn vì bà muốn thỏa thuận vấn đề tài sản với ông H.

Kết quả xác minh của Tòa án tại địa phương nơi ông H, bà H1 sinh sống có nội dung: khoảng 02 năm gần đây, ông H, bà H1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã về vấn đề tài chính và việc bà H1 vay nợ ở bên ngoài, tuy nhiên ông, bà không yêu cầu địa phương hòa giải. Từ đầu năm 2023, bà H1 bị tạm giam, việc chăm sóc cháu Hưng do ông H thực hiện.

Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H, bà H1 là có thật, được ông, bà thừa nhận và cũng phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án. Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ hai phía, cả hai cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Ông H xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà H1 và giữ nguyên ý kiến trình bày, yêu cầu khởi kiện của mình; bà H1 không đồng ý ly hôn, tuy nhiên lý do không xuất phát từ việc bà muốn hàn gắn tình cảm. Thực tế cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H, bà H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét, yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân của ông H với bà H1 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung, cấp dưỡng:

Ông H trình bày: Trong thời kỳ hôn nhân, ông và bà H1 có 02 con chung tên Hoàng Nguyễn Đức Huy, sinh năm 1999 và Hoàng Nguyễn Việt Hưng, sinh năm 2008. Cháu Huy đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Hoàng Nguyễn Việt Hưng, không yêu cầu bà H1 cấp dưỡng. Thực tế hiện nay, cháu Hưng đang sống cùng ông và được ông nuôi dưỡng, chăm sóc tốt, có điều kiện phát triển khỏe mạnh về thể chất và tinh thần.

Bà H1 cũng đồng ý với trình bày của ông H về những người con chung của ông bà và việc cháu Hưng đang được ông H chăm sóc nuôi dưỡng. Tuy nhiên, bà chỉ đồng ý để ông H nuôi cháu Hưng trong thời gian bà đang bị tạm giam, sau khi bà chấp hành xong hình phạt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì bà yêu cầu được nuôi cháu Hưng.

Xét lời trình bày của ông H phù hợp với kết quả xác minh và xác nhận của bà H1. Yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng Nguyễn Việt Hưng của ông H đồng thuận với nguyện vọng của cháu Hưng; việc ông H không yêu cầu bà H1 cấp dưỡng nuôi con chung là sự tự nguyện không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hơn nữa, điều kiện thực tế hiện nay của bà H1 không đảm bảo được việc trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy con cái. Vì vậy, căn cứ Khoản 2 Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H về việc ông H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng Nguyễn Việt Hưng, bà H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đồng nhất với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà H1 không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228, Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;
- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Hoàng Văn H.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Văn H được ly hôn với bà Nguyễn Thị H1.

Về con chung, cấp dưỡng: ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị H1 có 02 (hai) con chung là Hoàng Nguyễn Đức Huy, sinh năm 1999 và Hoàng Nguyễn Việt Hưng, sinh năm 2008. Cháu Huy đã trưởng thành, ông H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông Hoàng Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng Nguyễn Việt Hưng sinh ngày 04-02-2008 cho đến khi cháu Hưng thành niên đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; ghi nhận sự tự nguyện của ông H về việc không yêu cầu bà H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ của con hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: ông Hoàng Văn H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Ông Hoàng Văn H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003774 ngày 07 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; ông Hoàng Văn H đã nộp xong án phí.

Bà Nguyễn Thị H1 không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- UBND Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND TP. Vũng Tàu;
- Lưu: Tòa DS; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****(đã ký)****Nguyễn Trà My**